a) Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, dịch vụ trên mạng Internet, dịch vụ gia tăng trên không gian mạng, chủ quản hệ thống thông tin không xóa bỏ thông tin trái pháp luật hoặc thông tin sai sự thật trên không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định sau khi có đề nghị của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng;

b) Không đình chỉ hoặc yêu cầu ngừng hoạt động của hệ thống thông tin, thu hồi tên miền sau khi có đề nghị của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh mạng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hồi tên miền do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 33. Vi phạm quy định về lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không lưu trữ dữ liệu hoặc lưu trữ dữ liệu nhạy cảm về an ninh quốc gia không đầy đủ theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng 2025;

b) Không thực hiện quyết định yêu cầu lưu trữ dữ liệu nhạy cảm về an ninh quốc gia, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam;

c) Không bảo đảm thời gian lưu trữ nhật ký hệ thống để phục vụ điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 của Luật An ninh mạng 2025.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

a) Buộc lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam;

b) Buộc ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet hoặc ngừng kết nối viễn thông, Internet tại Việt Nam đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 4
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ AN NINH MẠNG

Điều 34. Vi phạm quy định về xác thực, định danh, bảo mật tài khoản số

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không xác thực, định danh bằng giấy tờ tùy thân hợp pháp hoặc xác thực, định danh bằng giấy tờ không hợp pháp đối với tài khoản số bắt buộc phải xác thực, định danh theo quy định của pháp luật;

b) Không có biện pháp cảnh báo chủ sở hữu khi tài khoản số phát sinh giao dịch tiền tệ, tài chính, chứng khoán hoặc tài sản khác có thể chuyển nhượng trên không gian mạng bằng phương thức điện tử hoặc phương thức khác theo quy định nội bộ đã công bố;

c) Không lưu trữ thông tin thiết bị, địa chỉ IP, thời gian đăng nhập của tài khoản số tối thiểu 90 ngày;

d) Không tạm dừng giao dịch hoặc phong tỏa tài khoản số phục vụ các hoạt động giao dịch tiền tệ, tài chính, chứng khoán hoặc tài sản khác có thể chuyển nhượng trên không gian mạng khi phát hiện có sai sót, nhầm lẫn, bị lộ lọt thông tin hoặc khi có thông báo, yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng;

đ) Định danh bằng phương thức điện tử không chính xác thông tin chủ tài khoản số phục vụ các hoạt động giao dịch tiền tệ, tài chính, chứng khoán hoặc tài sản khác có thể chuyển nhượng trên không gian mạng;

e) Không lưu vết xác thực tài khoản, không lưu nhật ký truy cập, không có cơ chế phát hiện bất thường đối với tài khoản số có chức năng giao dịch tài chính.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng giấy tờ tùy thân của người khác để xác thực tài khoản số;

b) Sử dụng giấy tờ tùy thân giả, tạo lập, chỉnh sửa, cắt ghép hình ảnh giấy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

tờ tùy thân hoặc các thủ đoạn gian dối khác để xác thực tài khoản số;

c) Sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), Deepfake hoặc các biện pháp kỹ thuật công nghệ cao để giả mạo dữ liệu sinh trắc học (khuôn mặt, giọng nói) nhằm xác thực tài khoản trái phép.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 35. Vi phạm quy định về kinh doanh trong lĩnh vực an ninh mạng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không quản lý hồ sơ, tài liệu về giải pháp kỹ thuật, công nghệ của sản phẩm an ninh mạng;

b) Không lập, lưu trữ và bảo mật thông tin của khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng;

c) Không báo cáo cho Bộ Công an về tình hình kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không làm thủ tục cấp đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trong trường hợp doanh nghiệp thay đổi tên hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi, bổ sung sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng do doanh nghiệp cung cấp;

b) Không làm thủ tục cấp lại giấy phép trong trường hợp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng bị mất hoặc bị hư hỏng;

c) Không từ chối cung cấp sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật, vi phạm cam kết đã thỏa thuận về sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng;

d) Không tạm ngừng hoặc ngừng cung cấp sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Không thực hiện việc chứng nhận hợp quy hoặc công bố hợp quy và sử dụng dấu hợp quy theo quy định trước khi đưa sản phẩm an ninh mạng vào lưu thông trên thị trường;

e) Cung cấp dịch vụ an ninh mạng không đúng với nội dung ghi trên Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không duy trì một trong các điều kiện để được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng;

b) Không phối hợp, tạo điều kiện thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 75.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng nhưng không có giấy phép;

b) Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin để được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi tại điểm a, e khoản 2, điểm b khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 2 và khoản 4 Điều này.

Điều 36. Vi phạm quy định về nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng

1. Phạt tiền từ 75.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng thuộc Danh mục nhập khẩu theo giấy phép mà không có giấy phép;

b) Cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin để được cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Buộc thu hồi sản phẩm an ninh mạng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 5
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG TIN NHẮN RÁC, THƯ ĐIỆN TỬ RÁC, CUỘC GỌI RÁC

Điều 37. Vi phạm quy định liên quan tới thư điện tử, tin nhắn cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Gửi thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo đến người nhận nhưng chưa được sự đồng ý của người nhận;

b) Gắn nhãn thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo không đúng hoặc không đầy đủ theo quy định;

c) Gọi điện thoại quảng cáo đến người sử dụng khi chưa được người sử dụng đồng ý một cách rõ ràng;

d) Gọi điện thoại quảng cáo đến người sử dụng không đồng ý nhận cuộc gọi quảng cáo trong hồ sơ thu thập sự đồng ý của khách hàng;

đ) Gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo khi người sử dụng đã từ chối hoặc không trả lời nhận tin nhắn đăng ký quảng cáo;

e) Gửi tin nhắn quảng cáo đến người sử dụng đã từ chối nhận tin nhắn quảng cáo.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không gắn nhãn thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo theo quy định;

b) Không lưu lại thông tin đăng ký nhận quảng cáo, thông tin yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận yêu cầu từ chối thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo tối thiểu 01 năm;

c) Gửi tin nhắn quảng cáo, gọi điện quảng cáo khi chưa được cấp tên định danh hoặc sử dụng số điện thoại để gửi tin nhắn quảng cáo hoặc gọi điện thoại quảng cáo.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

a) Không cung cấp miễn phí cho người sử dụng cơ chế tiếp nhận và xử lý các thông báo về thư rác;

b) Không có biện pháp để tránh mất mát và ngăn chặn thư điện tử của người sử dụng dịch vụ;

c) Không phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ Internet trong nước và quốc tế, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn trong và ngoài nước để hạn chế, ngăn chặn thư rác;

d) Không thực hiện việc xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối thư điện tử, tin nhắn theo thời hạn, hình thức hoặc nội dung theo quy định của pháp luật;

đ) Không có biện pháp giới hạn số lượng, tốc độ và tần suất nhắn tin;

e) Không giới hạn tần suất nhắn tin từ mỗi nguồn gửi hoặc không ngăn chặn các tin nhắn có nguy cơ gây mất an toàn, an ninh thông tin theo quy định;

g) Che giấu tên, địa chỉ điện tử của mình khi gửi thư điện tử, tin nhắn;

h) Không phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động trong và ngoài nước ngăn chặn tin nhắn rác;

i) Không thực hiện biện pháp ngăn chặn tin nhắn rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

k) Không ngăn chặn tin nhắn rác giả mạo nguồn gửi trước khi gửi tới người sử dụng dịch vụ;

l) Không ngừng cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn khi khách hàng yêu cầu;

m) Thực hiện không đầy đủ các yêu cầu điều phối, ngăn chặn, xử lý tin nhắn rác;

n) Thực hiện quá 03 tin nhắn quảng cáo tới 01 số điện thoại hoặc 03 thư điện tử quảng cáo tới 01 địa chỉ thư điện tử hoặc 01 cuộc gọi quảng cáo tới 01 số điện thoại trong vòng 24 giờ mà không có thỏa thuận khác với người sử dụng;

o) Gửi tin nhắn quảng cáo ngoài khoảng thời gian từ 07 giờ đến 22 giờ mỗi ngày hoặc gọi điện thoại quảng cáo từ 08 giờ đến 17 giờ mỗi ngày mà không có thỏa thuận với người sử dụng;

p) Không có biện pháp kiểm tra việc đã đồng ý trước một cách rõ ràng của người sử dụng khi gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

q) Không cung cấp cho người sử dụng công cụ tra cứu hoặc lưu trữ các thỏa thuận về việc đăng ký, từ chối cuộc gọi quảng cáo, tin nhắn đăng ký quảng cáo để phục vụ việc thanh, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo;

r) Không hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức chống tin nhắn rác, cuộc gọi rác, thư điện tử rác;

s) Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc thực hiện chế độ báo cáo không đúng quy định hoặc báo cáo không trung thực về hoạt động sử dụng tên định danh và/hoặc phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác, cuộc gọi rác theo quy định.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tuân thủ các yêu cầu điều phối, ngăn chặn, xử lý tin nhắn rác;

b) Không thực hiện yêu cầu xử lý các thông báo, phản ánh tin nhắn rác của Bộ Công an;

c) Không thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế thư điện tử rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Không cung cấp thông tin và ngăn chặn các nguồn phát tán thư điện tử rác hoặc phần mềm độc hại theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Không thực hiện các biện pháp đánh giá tình trạng tin nhắn rác trên mạng viễn thông di động của nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn theo hướng dẫn của Bộ Công an;

e) Cuộc gọi điện thoại quảng cáo không có đầy đủ thông tin về họ tên, chức vụ của người thực hiện cuộc gọi; thông tin tên, địa chỉ đơn vị thực hiện quảng cáo trước khi cung cấp nội dung quảng cáo hoặc không có thông tin về giá cước đối với trường hợp quảng cáo cho các dịch vụ có thu cước.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không có đầy đủ các hình thức từ chối nhận thư điện tử quảng cáo hoặc từ chối nhận tin nhắn quảng cáo;

b) Gửi hoặc phát tán thư điện tử rác, tin nhắn rác, phần mềm độc hại gây hậu quả ít nghiêm trọng; thực hiện cuộc gọi rác;

c) Tạo hàng loạt cuộc gọi nhỡ nhằm dụ dỗ người sử dụng gọi điện thoại, nhắn tin đến các số cung cấp dịch vụ nội dung để trục lợi hoặc để cung cấp thông tin, quảng cáo;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Khai thác, sử dụng các số dịch vụ, số thuê bao viễn thông không đúng mục đích;

đ) Số dịch vụ gọi tự do, số dịch vụ gọi giá cao được mở chiều gọi đi hoặc để gửi tin nhắn hoặc nhận tin nhắn;

e) Gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo không đúng quy định của Bộ Công an;

g) Gửi bất kỳ tin nhắn đăng ký quảng cáo nào đến các số điện thoại nằm trong Danh sách không quảng cáo;

h) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ thông tin nhật ký cuộc gọi quảng cáo (bao gồm cả bản ghi âm nội dung cuộc gọi quảng cáo) theo quy định để phục vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo bằng thư điện tử hoặc quảng cáo bằng tin nhắn hoặc quảng cáo bằng cuộc gọi hoặc cung cấp dịch vụ nhắn tin, gọi điện thoại qua mạng Internet nhưng không có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối của người nhận;

b) Gửi tin nhắn quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo đến các số điện thoại nằm trong Danh sách không quảng cáo.

7. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không ngăn chặn, thu hồi số thuê bao được dùng để phát tán tin nhắn rác, cuộc gọi rác.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ việc cung cấp dịch vụ đối với khách hàng mới từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d, e và h khoản 3, các khoản 5 và 6 Điều này;

b) Đình chỉ quyền sử dụng tên định danh từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và b khoản 2, các điểm d, g, h, i và o khoản 3, các điểm a và b khoản 5 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả hoặc buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm d và đ khoản 5 Điều này;

b) Buộc thu hồi đầu số, kho số viễn thông do thực hiện hành vi vi phạm tại các điểm b và c khoản 4 và khoản 5 Điều này;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

c) Buộc thu hồi số điện thoại do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 38. Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ thư điện tử, tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo, dịch vụ nội dung qua tin nhắn

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không có trang thông tin điện tử sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam khi cung cấp dịch vụ gửi thư điện tử quảng cáo hoặc dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet hoặc dịch vụ nội dung qua tin nhắn;

b) Cung cấp không đầy đủ hoặc không rõ ràng thông tin về các dịch vụ trên trang thông tin điện tử trước khi cung cấp dịch vụ gồm có: tên dịch vụ, mã lệnh tương ứng, mô tả dịch vụ, cách thức sử dụng, giá cước dịch vụ tương ứng, hướng dẫn hủy dịch vụ, số điện thoại hỗ trợ khách hàng, cam kết đồng ý sử dụng dịch vụ;

c) Không cung cấp công cụ, ứng dụng cho phép người sử dụng tự chủ động ngăn chặn thư điện tử rác và phản ánh về thư điện tử rác;

d) Không có biện pháp chặn, lọc, cập nhật danh sách các nguồn phát tán thư điện tử rác hoặc không có giải pháp để tránh mất mát và ngăn chặn nhầm thư điện tử của người sử dụng;

đ) Không giám sát, kiểm soát, rà quét hệ thống máy chủ thư điện tử của mình để đảm bảo không trở thành nguồn phát tán thư điện tử rác;

e) Không báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cung cấp thông tin về giá cước trước khi tính cước khi người sử dụng gọi điện tới tổng đài dịch vụ gọi giá cao, dịch vụ giải đáp thông tin;

b) Không hướng dẫn thuê bao gửi thông báo tin nhắn rác và phản hồi các thông báo về tin nhắn rác tiếp nhận được;

c) Lưu trữ dữ liệu cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn không đầy đủ theo quy định;

d) Không xây dựng, cập nhật, cung cấp và chia sẻ danh sách đến địa chỉ IP/tên miền phát tán thư điện tử rác dùng chung cho Bộ Công an (Cục An ninh

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) và các doanh nghiệp viễn thông, Internet khác.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ bằng thư điện tử mà máy chủ gửi thư điện tử không đặt tại Việt Nam;

b) Cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet có máy chủ dịch vụ gửi tin nhắn không đặt tại Việt Nam;

c) Cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ bằng tin nhắn không sử dụng số gửi tin nhắn được cấp theo quy định;

d) Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, quảng cáo bằng tin nhắn không có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối nhận thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo;

đ) Không cung cấp miễn phí chức năng tiếp nhận thông báo về tin nhắn rác hoặc thư điện tử rác từ người sử dụng;

e) Không triển khai hệ thống ngăn chặn tin nhắn rác có khả năng ngăn chặn tin nhắn rác theo nguồn gửi hoặc từ khóa trong nội dung tin nhắn gửi;

g) Không cho phép doanh nghiệp đã được cấp mã số quản lý kết nối kỹ thuật với hệ thống của mình, để cung cấp dịch vụ;

h) Không lưu trữ dữ liệu cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn theo quy định;

i) Không cung cấp cho người sử dụng các công cụ, ứng dụng để phản ánh tin nhắn rác, cuộc gọi rác và cho phép người sử dụng chủ động ngăn chặn tin nhắn rác, cuộc gọi rác;

k) Không cung cấp, cập nhật và chia sẻ các mẫu tin nhắn rác dùng chung cho Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) và các doanh nghiệp viễn thông khác;

l) Không chặn lọc các địa chỉ IP/tên miền phát tán hoặc bị lạm dụng phát tán thư điện tử rác thuộc quyền quản lý của mình;

m) Không thực hiện các biện pháp đánh giá tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác trên mạng viễn thông của minh;

n) Sử dụng các tên định danh không phải do Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) cấp hoặc đã được Bộ

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) cấp cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng tên định danh sau khi bị thu hồi;

o) Sử dụng tên định danh để gửi tin nhắn rác hoặc gọi cuộc gọi rác hoặc cung cấp các dịch vụ vi phạm các quy định của pháp luật theo kết luận của cơ quan nhà nước.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thu cước dịch vụ đối với các tin nhắn lỗi hoặc tin nhắn không được cung cấp dịch vụ hoặc tin nhắn đã được cung cấp dịch vụ nhưng có nội dung khác với mã lệnh mà doanh nghiệp công bố hoặc tin nhắn do người dùng bị lừa đảo;

b) Không thực hiện các biện pháp ngăn chặn tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo đến Danh sách không quảng cáo;

c) Không ngăn chặn, thu hồi địa chỉ điện tử được dùng để phát tán tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Không xây dựng, vận hành hệ thống kỹ thuật để phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác;

đ) Không xây dựng, kết nối hệ thống kỹ thuật quản lý tên định danh của mình tới Hệ thống quản lý tên định danh quốc gia;

e) Không thực hiện các nhiệm vụ điều phối ngăn chặn, xử lý thư điện tử rác, cuộc gọi rác và các biện pháp nghiệp vụ khác theo yêu cầu của Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao).

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thoại qua mạng Internet (VolP), SIP Trunk khi thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Không triển khai hoặc không duy trì cơ chế kỹ thuật tự động chặn toàn bộ lưu lượng SIP Trunk, VolP phát sinh cuộc gọi ra mạng viễn thông công cộng nhưng không gắn tên định danh (Voice Brandname) hợp lệ theo quy định;

b) Không giám sát, phân tích, phát hiện lưu lượng cuộc gọi bất thường theo tiêu chí kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc hướng dẫn;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ biện pháp cảnh báo, hạn chế, tạm dừng hoặc chấm dứt cung cấp dịch vụ đối với khách hàng có dấu hiệu phát sinh cuộc gọi rác, cuộc gọi lừa đảo, mạo danh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo kết quả giám sát nội bộ;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Không lưu trữ, không cung cấp kịp thời nhật ký, dữ liệu kỹ thuật, thông tin định danh liên quan đến lưu lượng SIP Trunk, VoIP phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, xác minh theo quy định của pháp luật.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ với khách hàng mới từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ cung cấp dịch vụ SIP Trunk, VoIP từ 01 tháng đến 03 tháng đối với doanh nghiệp viễn thông vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thu hồi tên định danh do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Mục 6
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Điều 39. Vi phạm quy định về nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân và các hành vi bị nghiêm cấm

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Xử lý dữ liệu cá nhân không đúng phạm vi hoặc không phù hợp với mục đích xử lý dữ liệu cá nhân đã được xác định, xin sự đồng ý, thỏa thuận hoặc vượt quá mức cần thiết để thực hiện mục đích đó;

b) Không bảo đảm tính chính xác của dữ liệu cá nhân hoặc không thực hiện chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung kịp thời khi phát hiện sai sót hoặc khi cần thiết;

c) Lưu trữ dữ liệu cá nhân vượt quá khoảng thời gian cần thiết phù hợp với mục đích xử lý dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp pháp luật quy định khác;

d) Không chủ động phòng ngừa, phát hiện, phối hợp kịp thời với các cơ quan có thẩm quyền trong xử lý mọi hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Có hành vi chống đối, cản trở hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Sử dụng dữ liệu cá nhân của người khác để thực hiện các hành vi trái quy định của pháp luật.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a, c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này;

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân đã xử lý không đúng phạm vi, không đúng mục đích hoặc lưu trữ vượt thời hạn đối với hành vi vi phạm tại điểm a, c khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại điểm a, c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc công khai xin lỗi chủ thể dữ liệu cá nhân trên phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Buộc chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung dữ liệu cá nhân cho chính xác theo yêu cầu của chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc khi phát hiện sai sót đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 40. Vi phạm quy định về lợi dụng hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi lợi dụng hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân sau:

a) Sử dụng danh nghĩa hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân để che giấu, hợp thức hóa hoặc tạo điều kiện cho hành vi vi phạm pháp luật;

b) Lợi dụng việc sử dụng lực lượng, phương tiện, biện pháp để phòng chống hoạt động xâm phạm dữ liệu cá nhân nhằm chiếm đoạt, làm sai lệch hoặc xử lý dữ liệu cá nhân trái quy định;

c) Sử dụng hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân để thực hiện hành vi lừa đảo, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân đã chiếm đoạt, xử lý trái phép đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

c) Buộc công khai xin lỗi chủ thể dữ liệu cá nhân trên phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi vi phạm tại điểm b, c khoản 1 Điều này.

Điều 41. Vi phạm quy định về xử lý dữ liệu cá nhân gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi xử lý dữ liệu cá nhân gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự sau:

a) Xử lý dữ liệu cá nhân để tạo lập, củng cố hoặc lan truyền thông tin bịa đặt, sai sự thật, xuyên tạc, kích động, gây hoang mang hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự;

b) Cung cấp, chuyển giao, phát tán hoặc công khai dữ liệu cá nhân biết rõ sẽ được sử dụng vào mục đích xâm phạm an ninh trật tự;

c) Chỉnh sửa, làm sai lệch, xóa, hủy, chiếm đoạt hoặc làm gián đoạn xử lý dữ liệu cá nhân nhằm gây ảnh hưởng hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức;

d) Thực hiện các hành vi khác gây ảnh hưởng hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân đã bị xử lý nhằm gây ảnh hưởng an ninh trật tự đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc gỡ bỏ, thu hồi thông tin và dữ liệu cá nhân đã cung cấp, chuyển giao, công khai trái phép đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 42. Vi phạm nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân của chủ thể dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cố ý làm lộ, làm mất dữ liệu cá nhân của bản thân gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội hoặc gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Cố ý cho người khác sử dụng dữ liệu cá nhân của mình để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật;

c) Cố ý cung cấp dữ liệu cá nhân giả mạo, sai sự thật nhằm mục đích lừa đảo, gây nhầm lẫn cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Cố ý tạo lập tình huống giả mạo về việc lộ, mất dữ liệu cá nhân của bản thân nhằm trốn tránh trách nhiệm, yêu cầu đền bù hoặc trục lợi gây ảnh hưởng đến uy tín, tài sản của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Cố ý không cung cấp đầy đủ, chính xác dữ liệu cá nhân của mình theo quy định bắt buộc của pháp luật hoặc theo hợp đồng đã ký kết, gây rủi ro về nhận diện pháp lý hoặc thiệt hại tài chính cho bên kiểm soát và xử lý dữ liệu.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân có một trong các hành vi sau:

a) Thu thập, sử dụng, tiết lộ, sửa đổi, làm sai lệch, hủy hoại hoặc truy cập trái phép dữ liệu cá nhân của người khác gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người đó;

b) Cố ý cung cấp dữ liệu cá nhân của người khác nhằm mục đích lừa đảo, gây nhầm lẫn cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Lợi dụng việc thực hiện quyền chủ thể dữ liệu cá nhân vượt quá phạm vi cần thiết hoặc không phù hợp với mục đích thực hiện quyền, gây khó khăn hoặc cản trở hoạt động kinh doanh hợp pháp của cơ quan, tổ chức;

d) Từ chối tham gia phối hợp phòng, chống hoạt động xâm phạm dữ liệu cá nhân khi có yêu cầu chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân đã thu thập trái phép của người khác đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại điểm b, c khoản 2 Điều này;

c) Buộc cung cấp lại thông tin dữ liệu cá nhân chính xác, đầy đủ theo quy định pháp luật hoặc theo hợp đồng đối với hành vi vi phạm tại điểm đ khoản 1 Điều này;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Buộc chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ xử lý dữ liệu cá nhân hợp pháp đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 43. Vi phạm quy định về sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xử lý dữ liệu cá nhân sau khi thu thập mà chưa có được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Kèm theo điều kiện bắt buộc, từ chối cung cấp dịch vụ nếu chủ thể dữ liệu cá nhân không đồng ý xử lý dữ liệu cá nhân vào các mục đích khác không liên quan đến nội dung thỏa thuận cung cấp dịch vụ đó;

c) Thiết lập phương thức mặc định đồng ý, tạo ra các chỉ dẫn không rõ ràng, gây hiểu lầm giữa đồng ý và không đồng ý cho chủ thể dữ liệu cá nhân;

d) Việc xin sự đồng ý không được thể hiện bằng phương thức rõ ràng, cụ thể, không bảo đảm khả năng kiểm chứng về việc xác định chủ thể dữ liệu cá nhân đã thực hiện sự đồng ý, thời điểm và nội dung được đồng ý;

đ) Không cung cấp cho chủ thể dữ liệu cá nhân các thông tin minh bạch về loại dữ liệu cá nhân được xử lý, mục đích xử lý dữ liệu cá nhân, các quyền, nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát hoặc Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân dẫn đến sự đồng ý không dựa trên cơ sở tự nguyện và biết rõ;

e) Hình thức xin sự đồng ý không bảo đảm chủ thể dữ liệu cá nhân được đồng ý với từng mục đích xử lý dữ liệu cá nhân;

g) Không ghi nhận, không lưu trữ nhật ký về sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân, không chứng minh được đã có sự đồng ý khi có yêu cầu của chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc yêu cầu thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Không thông báo cho chủ thể dữ liệu cá nhân biết dữ liệu cá nhân nhạy cảm của họ đang được xử lý.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cố ý tiếp tục thực hiện xử lý dữ liệu cá nhân sau khi chủ thể dữ liệu cá nhân đã có yêu cầu ngừng, hạn chế xử lý hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu bằng văn bản;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Thực hiện thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân khi chủ thể dữ liệu cá nhân giữ im lặng hoặc không phản hồi trước yêu cầu xin sự đồng ý, tự ý coi sự im lặng là đồng ý.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân thu thập, xử lý khi không có sự đồng ý hợp lệ đối với hành vi vi phạm tại điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.

Điều 44. Vi phạm quy định về thủ tục thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân có một trong các hành vi sau:

a) Không thiết lập quy trình, thủ tục, biểu mẫu rõ ràng để thực hiện các quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân;

b) Không phân định rõ trách nhiệm của các bộ phận có liên quan trong tổ chức để thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân;

c) Không cung cấp thông tin hoặc không bảo đảm chủ thể dữ liệu cá nhân được biết về thủ tục thực hiện các quyền quy định tại Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

d) Không phản hồi cho chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin về thủ tục khi nhận được yêu cầu xem, chỉnh sửa, cung cấp, xóa, rút lại sự đồng ý, hạn chế, phản đối xử lý dữ liệu cá nhân, thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân quá thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu hợp lệ;

đ) Không thông báo cho chủ thể dữ liệu cá nhân biết lý do chính đáng trong trường hợp không thể thực hiện hoặc cần gia hạn đối với yêu cầu xem, chỉnh sửa, cung cấp, xóa, rút lại sự đồng ý, hạn chế, phản đối xử lý dữ liệu cá nhân, thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân của chủ thể dữ liệu cá nhân.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với Bên xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba đã nhận được yêu cầu hợp lệ từ Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân nhưng không thực hiện đúng thời hạn một trong các yêu cầu sau:

a) Không ngừng xử lý dữ liệu cá nhân khi nhận được yêu cầu rút lại sự đồng ý, hạn chế xử lý hoặc phản đối xử lý dữ liệu cá nhân trong thời hạn do Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân xác định;

b) Không thực hiện chỉnh sửa hoặc cung cấp dữ liệu cá nhân trong thời hạn do Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân xác định;

c) Không thực hiện xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc không hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân trong thời hạn do Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân xác định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân có một trong các hành vi không thực hiện đúng thời hạn yêu cầu của chủ thể dữ liệu cá nhân sau:

a) Không thực hiện yêu cầu rút lại sự đồng ý, hạn chế xử lý hoặc phản đối xử lý dữ liệu cá nhân trong thời hạn 15 ngày; trường hợp cần yêu cầu Bên xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba thực hiện thì không bảo đảm trong thời hạn 20 ngày; trường hợp đã gia hạn thì không bảo đảm trong thời hạn gia hạn tối đa 15 ngày;

b) Không thực hiện yêu cầu xem, chỉnh sửa hoặc cung cấp dữ liệu cá nhân trong thời hạn 10 ngày; trường hợp cần yêu cầu Bên xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba thực hiện thì không bảo đảm trong thời hạn 15 ngày; trường hợp đã gia hạn thì không bảo đảm trong thời hạn gia hạn tối đa 10 ngày;

c) Không thực hiện yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân trong thời hạn 20 ngày; trường hợp cần yêu cầu Bên xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba thực hiện thì không bảo đảm trong thời hạn 30 ngày; trường hợp đã gia hạn thì không bảo đảm trong thời hạn gia hạn tối đa 20 ngày;

d) Không thực hiện yêu cầu áp dụng các biện pháp, giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thời hạn 15 ngày; trường hợp đã gia hạn thì không bảo đảm trong thời hạn gia hạn tối đa 15 ngày.

4. Bên xử lý dữ liệu cá nhân, bên thứ ba không bị xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện đầy đủ quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân theo yêu cầu hợp pháp và cung cấp minh chứng thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 45. Vi phạm quy định về quyền rút lại sự đồng ý và quyền hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Sử dụng các cách thức, biện pháp nhằm che giấu, ngăn chặn hoặc cố tình gây cản trở cho việc thực hiện quyền rút lại sự đồng ý, yêu cầu hạn chế của chủ thể dữ liệu cá nhân;

b) Không thực hiện ngừng xử lý dữ liệu cá nhân kể từ khi chủ thể dữ liệu cá nhân rút lại sự đồng ý, yêu cầu hạn chế theo đúng thủ tục, trừ trường hợp pháp luật có quy định tiếp tục xử lý không cần sự đồng ý theo Điều 19 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

c) Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân không gửi yêu cầu cho Bên xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba để ngừng xử lý dữ liệu cá nhân của chủ thể đã rút lại sự đồng ý, yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân tiếp tục xử lý sau khi chủ thể đã rút lại sự đồng ý đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại khoản thu có được do tiếp tục khai thác dữ liệu cá nhân sau khi chủ thể đã rút lại sự đồng ý đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc thiết lập và cung cấp cho chủ thể dữ liệu cá nhân cơ chế kỹ thuật rõ ràng, dễ tiếp cận để thực hiện quyền rút lại sự đồng ý; cung cấp minh chứng thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này;

d) Buộc thực hiện việc gửi yêu cầu đến Bên xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba để dừng xử lý dữ liệu cá nhân của chủ thể đã rút lại sự đồng ý; cung cấp minh chứng thực hiện đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 46. Vi phạm quy định về quyền xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

a) Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân từ chối, không cho phép chủ thể dữ liệu cá nhân truy cập để xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của mình sau khi đã thu thập, trừ trường hợp luật có quy định khác;

b) Bên xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba tự ý chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của chủ thể dữ liệu cá nhân khi chưa được Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân đồng ý bằng văn bản.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cố ý trì hoãn, không thực hiện chỉnh sửa dữ liệu cá nhân sau khi đã xác nhận thông tin là sai sự thật, giả mạo gây ảnh hưởng về danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp cho chủ thể dữ liệu cá nhân.

3. Không xử phạt theo quy định tại Điều này đối với hành vi từ chối hoặc chưa thực hiện chỉnh sửa dữ liệu cá nhân nếu Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân có căn cứ hợp lý chứng minh thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Yêu cầu chỉnh sửa nhằm mục đích gian lận, làm sai lệch thông tin để trốn tránh nghĩa vụ pháp lý hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

b) Việc chỉnh sửa dữ liệu cá nhân theo yêu cầu có thể xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, đạo đức, lợi ích công cộng;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện chỉnh sửa dữ liệu cá nhân theo yêu cầu hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân đã tự ý chỉnh sửa trái phép đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 47. Vi phạm quy định về xử lý dữ liệu cá nhân trong trường hợp không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Không thiết lập quy trình, quy định xử lý dữ liệu cá nhân và xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân;

b) Không thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ việc tuân thủ quy định của pháp luật, quy trình, quy định xử lý dữ liệu cá nhân;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

c) Không có cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Không triển khai các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân phù hợp làm lộ, mất dữ liệu cá nhân được thu thập;

b) Không thực hiện đánh giá rủi ro có thể xảy ra trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Lợi dụng các trường hợp xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân để thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân vượt quá mục đích, phạm vi cần thiết so với căn cứ theo quy định pháp luật;

b) Không chứng minh được trường hợp theo quy định pháp luật của việc xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý khi có yêu cầu kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thiết lập, ban hành và công khai quy trình, quy định xử lý dữ liệu cá nhân; biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân; cơ chế tiếp nhận phản ánh, kiến nghị theo đúng quy định, cung cấp minh chứng đã thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc dừng hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân được thực hiện dựa trên căn cứ miễn đồng ý không đúng quy định hoặc vượt quá mục đích, phạm vi căn cứ đó cho phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu cá nhân đã thu thập, xử lý vượt quá mục đích, phạm vi quy định hoặc không có căn cứ hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

d) Buộc lập, lưu trữ và cung cấp tài liệu chứng minh căn cứ hợp pháp của việc xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 3 Điều này;

đ) Buộc triển khai biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân phù hợp và thực hiện đánh giá rủi ro trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân; cung cấp minh chứng thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 48. Vi phạm quy định về thu thập dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thu thập dữ liệu cá nhân không đúng phạm vi, mục đích cụ thể, rõ ràng hoặc không có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân trước khi thu thập theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với thu thập, lưu trữ, hình thành kho dữ liệu cá nhân từ hoạt động chuyển giao dữ liệu cá nhân để sử dụng cho các mục đích khác ngoài các mục đích đã được chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý.

3. Trường hợp áp dụng các biện pháp công nghệ, kỹ thuật để thu thập dữ liệu cá nhân trái quy định của pháp luật thì mức phạt tiền được xác định như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thu thập dữ liệu cá nhân cơ bản của dưới 500 chủ thể dữ liệu hoặc thu thập dữ liệu cá nhân nhạy cảm của dưới 100 chủ thể dữ liệu;

b) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi thu thập dữ liệu cá nhân cơ bản của từ 500 đến dưới 1.000 chủ thể dữ liệu hoặc thu thập dữ liệu cá nhân nhạy cảm của từ 100 đến dưới 200 chủ thể dữ liệu;

c) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi thu thập dữ liệu cá nhân cơ bản của từ 1.000 đến dưới 5.000 chủ thể dữ liệu hoặc thu thập dữ liệu cá nhân nhạy cảm của từ 200 đến 1.000 chủ thể dữ liệu;

d) Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi thu thập dữ liệu cá nhân cơ bản của từ 5.000 chủ thể dữ liệu trở lên hoặc thu thập dữ liệu cá nhân nhạy cảm của từ 1.000 chủ thể dữ liệu trở lên.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này nếu đối tượng của hành vi vi phạm là dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu cá nhân đã thu thập, xử lý trái quy định đối với hành vi vi phạm tại Điều này;

b) Buộc nộp lại khoản thu có được từ hoạt động kinh doanh có sử dụng dữ liệu cá nhân thu thập trái phép đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 49. Vi phạm quy định về cung cấp dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi từ chối cung cấp dữ liệu cá nhân cho chính chủ thể dữ liệu cá nhân khi có yêu cầu hợp lệ.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp dữ liệu cá nhân cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi chưa được chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Phạt tiền bằng 02 lần mức phạt tiền quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này đối với hành vi cung cấp dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện cung cấp dữ liệu cá nhân cho chính chủ thể dữ liệu cá nhân theo yêu cầu hợp lệ đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hồi dữ liệu cá nhân đã cung cấp sai quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại khoản thu có được do thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.

Điều 50. Vi phạm quy định về công khai dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Công khai dữ liệu cá nhân không có mục đích cụ thể, không thuộc trường hợp được phép công khai theo quy định pháp luật;

b) Công khai vượt quá phạm vi, loại dữ liệu cá nhân cần thiết cho mục đích công khai;

c) Công khai dữ liệu cá nhân nhưng không phản ánh đúng dữ liệu từ nguồn dữ liệu gốc;

d) Không kiểm soát, giám sát chặt chẽ việc công khai dữ liệu cá nhân để bảo đảm tuân thủ đúng mục đích, phạm vi và quy định của pháp luật;

đ) Không có biện pháp ngăn chặn việc truy cập, sử dụng, tiết lộ, sao chép, sửa đổi, xóa, hủy hoặc các hành vi xử lý trái phép khác đối với dữ liệu đã công khai.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

a) Công khai dữ liệu cá nhân gây xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân;

b) Công khai dữ liệu cá nhân khi chưa có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp pháp luật cho phép.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Buộc gỡ bỏ, thu hồi dữ liệu cá nhân đã công khai đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc áp dụng biện pháp kiểm soát, giám sát và bảo mật đối với dữ liệu cá nhân đang công khai; cung cấp minh chứng thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại điểm d, đ khoản 1 Điều này;

d) Buộc gỡ bỏ, thu hồi dữ liệu cá nhân đã công khai không có mục đích cụ thể hoặc vượt quá phạm vi cần thiết đối với hành vi vi phạm tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

Điều 51. Vi phạm quy định về xóa, hủy, khử nhận dạng dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo cho chủ thể dữ liệu cá nhân biết lý do trong trường hợp không thể thực hiện việc xóa, hủy dữ liệu cá nhân sau khi nhận được yêu cầu;

b) Việc xóa, hủy dữ liệu cá nhân không được thực hiện bằng các biện pháp an toàn;

c) Không có biện pháp ngăn chặn hoạt động xâm nhập và khôi phục trái phép dữ liệu đã xóa, hủy;

d) Khử nhận dạng dữ liệu cá nhân nhưng không kiểm soát, giám sát chặt chẽ;

đ) Không có biện pháp ngăn chặn việc truy cập trái phép, sao chép, chiếm đoạt, làm lộ, làm mất dữ liệu trong quá trình khử nhận dạng.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

a) Không thực hiện xóa, hủy dữ liệu cá nhân tại các trường hợp theo quy định pháp luật;

b) Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân không yêu cầu bên xử lý dữ liệu cá nhân, bên thứ ba xóa, hủy dữ liệu cá nhân của chủ thể dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật;

c) Bên xử lý dữ liệu cá nhân không thực hiện xóa hoặc trả lại toàn bộ dữ liệu cá nhân cho Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân sau khi kết thúc hợp đồng hoặc thỏa thuận xử lý dữ liệu cá nhân;

d) Để xảy ra việc truy cập trái phép, sao chép, chiếm đoạt, làm lộ, làm mất dữ liệu cá nhân trong quá trình khử nhận dạng.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cố ý khôi phục trái phép dữ liệu cá nhân đã bị xóa, hủy;

b) Tái nhận dạng dữ liệu cá nhân sau khi dữ liệu đó đã được khử nhận dạng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân đối với hành vi vi phạm tại điểm a, b khoản 2 Điều này;

b) Buộc thông báo cho chủ thể dữ liệu cá nhân về việc không thể thực hiện xóa, hủy trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục kết quả tái nhận dạng và dữ liệu cá nhân đã được khôi phục trái phép đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này;

d) Buộc áp dụng biện pháp kiểm soát, giám sát và ngăn chặn truy cập trái phép trong quá trình khử nhận dạng; cung cấp minh chứng thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại điểm d, đ khoản 1 Điều này.

Điều 52. Vi phạm quy định về chuyển giao dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thỏa thuận về việc chuyển giao dữ liệu cá nhân không xác định trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình chuyển giao, xử lý dữ liệu cá nhân; trách nhiệm thực hiện các quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân; trách nhiệm

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

phối hợp và tuân thủ của các bên trong trường hợp phát hiện vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Trường hợp chia sẻ dữ liệu cá nhân giữa các bộ phận trong cùng một cơ quan, tổ chức để xử lý dữ liệu cá nhân phù hợp với mục đích xử lý đã xác lập, cơ quan, tổ chức không xây dựng quy trình kiểm soát việc chia sẻ, sử dụng dữ liệu cá nhân đúng quy định; không có biện pháp phòng, chống việc nhân sự nội bộ cơ quan, tổ chức chia sẻ trái phép dữ liệu cá nhân với bên thứ ba.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi chuyển giao dữ liệu cá nhân theo điểm a, điểm d khoản 1 Điều 17 của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân có thu phí để cung cấp dịch vụ cho chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân nhưng vi phạm các nghĩa vụ sau:

a) Không xác định rõ vai trò bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên xử lý dữ liệu cá nhân, bên thứ ba trong hoạt động chuyển giao dữ liệu cá nhân;

b) Không xác định, giới hạn loại dữ liệu cá nhân chuyển giao trong phạm vi mục đích chuyển giao;

c) Không xác định thời hạn lưu trữ dữ liệu cá nhân phù hợp với mục đích chuyển giao; không xóa, hủy dữ liệu cá nhân khi hoàn thành mục đích theo quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi chuyển giao dữ liệu cá nhân nhạy cảm không có biện pháp bảo mật vật lý đối với thiết bị lưu trữ và truyền tải, biện pháp mã hóa, ẩn danh dữ liệu cá nhân và các biện pháp bảo mật khác trong quá trình chuyển giao.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung, hoàn thiện thỏa thuận chuyển giao dữ liệu cá nhân theo đúng quy định và cung cấp minh chứng cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc áp dụng biện pháp bảo mật theo quy định đối với dữ liệu cá nhân nhạy cảm đang được lưu trữ và truyền tải đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này;

c) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân nhạy cảm đã chuyển giao trong trường hợp không thể bảo đảm bảo mật theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 2, 3 Điều này.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 53. Vi phạm quy định về mua, bán trái phép dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 02 lần đến tối đa bằng 10 lần khoản thu đối với một trong các hành vi mua, bán trái phép dữ liệu cá nhân sau:

a) Cung cấp, chia sẻ, trao đổi nhằm thu tài sản hoặc lợi ích khác không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Chuyển giao dữ liệu cá nhân có thu phí hoặc lợi ích vật chất khác không có thỏa thuận về việc chuyển giao dữ liệu cá nhân;

c) Chuyển giao dữ liệu cá nhân có thu phí hoặc lợi ích vật chất khác mà thỏa thuận về việc chuyển giao dữ liệu cá nhân không xác định mục đích chuyển giao dữ liệu cá nhân hoặc không thực hiện theo đúng mục đích trong thỏa thuận chuyển giao dữ liệu cá nhân;

d) Chuyển giao dữ liệu cá nhân có thu phí hoặc lợi ích vật chất khác mà không thiết lập hệ thống kỹ thuật, cơ chế minh bạch để chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý chính xác, rõ ràng theo từng lần chuyển giao, trên cơ sở được biết chính xác mục đích chuyển giao, tổ chức, cá nhân tiếp nhận và xử lý dữ liệu cá nhân;

đ) Chuyển giao dữ liệu cá nhân có thu phí hoặc lợi ích vật chất khác mà xử lý dữ liệu cá nhân không đúng cho mục đích chuyển giao được chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý, phù hợp với ngành, nghề đăng ký kinh doanh;

e) Chuyển giao dữ liệu cá nhân có thu phí hoặc lợi ích vật chất khác mà không khử nhận dạng dữ liệu cá nhân khi giao dịch trên sàn dữ liệu.

2. Trường hợp các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này không có khoản thu và mức phạt tiền tối đa bằng 10 lần khoản thu có được từ hành vi vi phạm thấp hơn 3.000.000.000 đồng thì mức phạt tiền được xác định đến mức tối đa của khung tiền phạt là 3.000.000.000 đồng.

3. Trường hợp không có khoản thu từ hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này thì mức phạt tiền được xác định như sau:

a) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán dữ liệu cá nhân cơ bản của dưới 1.000 chủ thể dữ liệu hoặc mua bán dữ liệu cá nhân nhạy cảm của dưới 200 chủ thể dữ liệu;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán dữ liệu cá nhân cơ bản của từ 1.000 đến dưới 2.000 chủ thể dữ liệu hoặc mua bán dữ liệu cá nhân nhạy cảm của từ 200 đến dưới 400 chủ thể dữ liệu;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

c) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán dữ liệu cá nhân cơ bản của từ 2.000 đến dưới 10.000 chủ thể dữ liệu hoặc dữ liệu cá nhân nhạy cảm của từ 400 đến 2.000 chủ thể dữ liệu;

d) Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán dữ liệu cá nhân cơ bản của từ 10.000 chủ thể dữ liệu trở lên, dữ liệu cá nhân nhạy cảm của từ 2.000 chủ thể dữ liệu trở lên;

đ) Mức phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến tối đa 3.000.000.000 đồng đối với các hành vi mua, bán dữ liệu cá nhân trái phép xâm phạm tới quốc phòng, an ninh trật tự, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của chủ thể dữ liệu cá nhân, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu cá nhân đã mua, bán trái phép trên tất cả hệ thống lưu trữ đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

b) Buộc nộp lại khoản thu có được từ hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

c) Buộc thông báo đến toàn bộ chủ thể dữ liệu cá nhân bị ảnh hưởng về hành vi vi phạm và biện pháp khắc phục đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Điều 54. Vi phạm quy định về thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bên xử lý dữ liệu cá nhân phát hiện hành vi vi phạm nhưng không thông báo kịp thời cho bên kiểm soát dữ liệu hoặc bên kiểm soát và xử lý dữ liệu;

b) Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân không lập biên bản xác nhận về việc xảy ra hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

c) Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên xử lý dữ liệu cá nhân thực hiện báo cáo vi phạm sự cố rò rỉ dữ liệu cho cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân nhưng cố ý che giấu, cung cấp thông tin sai lệch về tính chất sự cố, quy mô, các loại dữ liệu cá nhân và số lượng chủ thể dữ liệu bị ảnh hưởng.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các trường hợp sau đây:

a) Phát hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Dữ liệu cá nhân bị xử lý sai mục đích, không đúng thỏa thuận;

c) Không bảo đảm quyền hoặc thực hiện không đúng quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, bên thứ ba có hành vi thông báo cho cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân chậm hơn 72 giờ kể từ khi phát hiện vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân gây tổn hại hoặc có thể gây tổn hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội hoặc xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của chủ thể dữ liệu cá nhân.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm, không khắc phục hậu quả xảy ra;

b) Không phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân trong việc xử lý hành vi vi phạm.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thông báo vi phạm theo đúng nội dung, hình thức và thời hạn quy định, cung cấp minh chứng thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp ngăn chặn và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra theo yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 55. Vi phạm quy định về đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Bắt đầu các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân nhưng không lập, không duy trì Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân tại trụ sở doanh nghiệp theo quy định tại Điều 21 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Không gửi 01 bản chính Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân (theo mẫu quy định tại Phụ lục Nghị định 356/2025/NĐ-CP) cho Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (Bộ Công an) trong thời gian 60 ngày kể từ ngày đầu tiên tiến hành xử lý dữ liệu cá nhân;

c) Cố ý không hoàn thiện hồ sơ đánh giá tác động theo yêu cầu của cơ quan chuyên trách trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định;

d) Không cập nhật định kỳ 06 tháng đối với hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật;

đ) Không cập nhật hồ sơ trong thời hạn 10 ngày khi thuộc một trong các trường hợp phải cập nhật theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cố tình làm giả số liệu, cung cấp sai lệch thông tin trong Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, hoặc từ chối chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ khi có văn bản yêu cầu khắc phục từ Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (Bộ Công an).

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập, hoàn thiện và nộp hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân theo đúng quy định, cung cấp minh chứng thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc dừng hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân cho đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và được cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân xác nhận đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 56. Vi phạm quy định về chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không lập hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới trước hoặc trong thời gian tiến hành chuyển dữ liệu;

b) Không nộp 01 bản chính hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới cho cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày đầu tiên tiến hành chuyển dữ liệu;

c) Không hoàn thiện hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Không cập nhật định kỳ hoặc không cập nhật hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới khi có thay đổi theo quy định pháp luật;

đ) Không duy trì hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới ở trạng thái sẵn sàng phục vụ hoạt động kiểm tra của cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân;

e) Không thông báo thông tin và chi tiết liên lạc của tổ chức, cá nhân phụ trách bảo vệ dữ liệu cá nhân phía bên nhận dữ liệu sau khi hoàn tất việc chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới;

g) Không có cơ chế kiểm soát hoặc không yêu cầu bên nhận dữ liệu xuyên biên giới tuân thủ quy trình khi chuyển tiếp dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba khác, dẫn đến việc dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam được xử lý ngoài phạm vi đã khai báo trong hồ sơ đánh giá tác động.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không xác lập hợp đồng hoặc văn bản chuyển giao ràng buộc trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân giữa bên chuyển và bên nhận dữ liệu xuyên biên giới, không xác định rõ trách nhiệm thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân sau khi dữ liệu được chuyển;

b) Không bảo đảm sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân đối với mục đích chuyển dữ liệu xuyên biên giới hoặc không thông báo cho chủ thể dữ liệu cá nhân về việc dữ liệu của họ được chuyển ra nước ngoài, tổ chức nhận dữ liệu và mục đích xử lý;

c) Không áp dụng biện pháp bảo mật phù hợp trong quá trình chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới hoặc không có phương án bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân sau khi chuyển;

d) Không phối hợp hoặc cản trở hoạt động kiểm tra hoạt động chuyển dữ liệu xuyên biên giới của cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân;

đ) Tiếp tục chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới sau khi có quyết định yêu cầu ngừng chuyển dữ liệu của cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân;

e) Không thông báo cho cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân và không yêu cầu bên nhận dữ liệu xuyên biên giới dừng xử lý, ngăn chặn thiệt hại khi phát hiện bên nhận xảy ra vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc sự cố lộ, mất dữ liệu cá nhân.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Phạt tiền theo tỷ lệ phần trăm tổng doanh thu năm tài chính liền trước tại thị trường Việt Nam đối với tổ chức thực hiện chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới mà không lập hồ sơ đánh giá tác động, che giấu hoặc khai báo sai về dòng dữ liệu dẫn đến lộ, mất dữ liệu cá nhân, hoặc tiếp tục chuyển dữ liệu sau khi có quyết định yêu cầu ngừng của cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, cụ thể như sau:

a) Phạt tiền từ 1% đến 2% doanh thu đối với hành vi dẫn đến lộ, mất dữ liệu cá nhân của từ 10.000 đến dưới 100.000 chủ thể dữ liệu cá nhân là công dân Việt Nam;

b) Phạt tiền từ 2% đến 3% doanh thu đối với hành vi dẫn đến lộ, mất dữ liệu cá nhân của từ 100.000 đến dưới 1.000.000 chủ thể dữ liệu cá nhân là công dân Việt Nam;

c) Phạt tiền từ 3% đến 5% doanh thu đối với hành vi dẫn đến lộ, mất dữ liệu cá nhân của từ 1.000.000 chủ thể dữ liệu cá nhân là công dân Việt Nam trở lên, hoặc hành vi chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới sau khi có quyết định yêu cầu ngừng chuyển của cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân gây tổn hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

4. Trường hợp tổ chức vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này không có doanh thu phát sinh tại thị trường Việt Nam trong năm tài chính liền trước hoặc mức phạt tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu tại từng điểm thấp hơn 3.000.000.000 đồng thì áp dụng mức phạt tiền như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi dẫn đến lộ, mất dữ liệu cá nhân của từ 10.000 đến dưới 100.000 chủ thể dữ liệu cá nhân là công dân Việt Nam;

b) Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với hành vi dẫn đến lộ, mất dữ liệu cá nhân của từ 100.000 đến dưới 1.000.000 chủ thể dữ liệu cá nhân là công dân Việt Nam;

c) Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng đối với hành vi dẫn đến lộ, mất dữ liệu cá nhân của từ 1.000.000 chủ thể dữ liệu cá nhân là công dân Việt Nam trở lên, hoặc hành vi chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới sau khi có quyết định yêu cầu ngừng chuyển của cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân gây tổn hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Đình chỉ có thời hạn hoạt động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập, hoàn thiện và nộp hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc ngừng việc chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới cho đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ hồ sơ và được cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân xác nhận đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều này;

c) Buộc yêu cầu bên nhận dữ liệu xuyên biên giới hủy, xóa tới mức không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu cá nhân đã chuyển trái quy định; cung cấp bằng chứng bên nhận đã thực hiện việc hủy, xóa cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại khoản thu có được từ hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 57. Vi phạm quy định về chỉ định nhân sự, bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ quan, tổ chức có một trong các hành vi sau:

a) Không ký thỏa thuận trách nhiệm bảo mật với nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Không tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về bảo vệ dữ liệu cá nhân cho nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân;

c) Văn bản chính thức chỉ định nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyết định thành lập bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân không nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các yêu cầu về công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cơ quan, tổ chức có một trong các hành vi sau:

a) Chỉ định nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân không đáp ứng điều kiện về trình độ học vấn từ cao đẳng trở lên hoặc không có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến một trong các lĩnh vực pháp chế, công nghệ thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, quản trị rủi ro, kiểm soát tuân thủ, quản lý nhân sự;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Chỉ định nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân chưa được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng chuyên môn về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

c) Không ban hành văn bản chính thức chỉ định nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc không ban hành quyết định thành lập bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thay thế bằng nhân sự đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật và cung cấp minh chứng thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc ban hành văn bản chỉ định, xây dựng đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo quy định và cung cấp minh chứng thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này.

Điều 58. Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân có một trong các hành vi sau:

a) Không đáp ứng điều kiện về trình độ học vấn từ cao đẳng trở lên hoặc không có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến một trong các lĩnh vực pháp chế, xử lý dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, quản trị rủi ro, kiểm soát tuân thủ hoặc chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về bảo vệ dữ liệu cá nhân nhưng vẫn thực hiện cung cấp dịch vụ;

b) Thực hiện dịch vụ vượt quá phạm vi và nhiệm vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Không thực hiện xóa, hủy dữ liệu cá nhân đã xử lý trong quá trình cung cấp dịch vụ sau khi hoàn thành hợp đồng.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân có một trong các hành vi sau:

a) Không xây dựng hoặc cung cấp hồ sơ năng lực không đầy đủ các nội dung theo quy định;

b) Không có tối thiểu 03 nhân sự đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định;

c) Không giao kết hợp đồng sử dụng dịch vụ và thỏa thuận xử lý dữ liệu cá nhân với cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ trước khi thực hiện cung cấp dịch vụ;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Không công khai thông tin về tổ chức cung cấp dịch vụ cho chủ thể dữ liệu cá nhân và các bên liên quan được biết.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng việc cung cấp dịch vụ để truy cập, thu thập, sử dụng, tiết lộ hoặc xử lý dữ liệu cá nhân ngoài phạm vi hợp đồng hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ có thời hạn hoạt động cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu cá nhân đã thu thập, xử lý trái phép trong quá trình cung cấp dịch vụ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại khoản thu có được từ hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Buộc thông báo cho cơ quan, tổ chức đang sử dụng dịch vụ về việc tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, để cơ quan, tổ chức đó kịp thời thực hiện biện pháp thay thế bảo đảm hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân liên tục đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này.

Điều 59. Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận có một trong các hành vi sau:

a) Không xây dựng khung quản trị rủi ro về bảo vệ dữ liệu cá nhân phù hợp với dịch vụ cung cấp;

b) Không xây dựng quy định về trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức trong xử lý dữ liệu cá nhân;

c) Không áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Không thực hiện xác thực danh tính tổ chức theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận có một trong các hành vi sau:

a) Trường hợp là bên xử lý dữ liệu cá nhân, tổ chức không yêu cầu bên kiểm soát dữ liệu cá nhân xin sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân trước khi cung cấp dịch vụ, không bảo đảm chủ thể dữ liệu cá nhân được biết về loại dữ liệu được xử lý, mục đích xử lý và tổ chức cung cấp dịch vụ;

b) Không bảo đảm xử lý dữ liệu cá nhân đúng mục đích, không giới hạn việc thu thập, chuyển giao, lưu trữ phù hợp theo quy định, hoặc không có biện pháp ngăn chặn truy cập, thu thập, sử dụng, tiết lộ trái phép dữ liệu cá nhân trong hoạt động cung cấp dịch vụ;

c) Không thực hiện đánh giá hiện trạng tuân thủ và mức độ tín nhiệm về bảo vệ dữ liệu cá nhân định kỳ 01 năm/lần.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân có một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân;

b) Bố trí nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân không đáp ứng điều kiện về trình độ học vấn từ cao đẳng trở lên hoặc không có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến một trong các lĩnh vực pháp chế, xử lý dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, quản trị rủi ro, kiểm soát tuân thủ hoặc chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

c) Không có tối thiểu 03 nhân sự đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân sau khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân đã bị thu hồi.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xây dựng, ban hành và thực hiện khung quản trị rủi ro, quy định trách nhiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật, cơ chế xác thực danh tính theo quy định; cung cấp minh chứng thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu cá nhân thu thập, xử lý trái phép trong quá trình cung cấp dịch vụ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại khoản thu có được từ hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này.

Điều 60. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện quy trình xác minh tuổi của trẻ em trước khi xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em;

b) Xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em dưới 07 tuổi, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi mà không có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

c) Xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên mà không có đồng thời sự đồng ý của trẻ em và người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em nhằm công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên mà không có đồng thời sự đồng ý của trẻ em và người đại diện theo pháp luật;

b) Không ngừng xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi khi người đại diện theo pháp luật rút lại sự đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Không ngừng xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi khi cơ quan có thẩm quyền có đủ căn cứ chứng minh việc xử lý dữ liệu có thể xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng được bảo vệ và yêu cầu ngừng xử lý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện xóa, hủy tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân của trẻ em trong các trường hợp: xử lý dữ liệu không đúng mục đích hoặc đã hoàn

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

thành mục đích xử lý; cha mẹ hoặc người giám hộ rút lại sự đồng ý; theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc ngừng hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân và thông báo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật về việc dừng xử lý đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều này;

b) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu cá nhân đã xử lý trái quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này;

c) Buộc gỡ bỏ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân đã công bố trái quy định và thông báo cho người đại diện theo pháp luật về việc gỡ bỏ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 61. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong tuyển dụng, quản lý, sử dụng lao động

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Yêu cầu người dự tuyển cung cấp dữ liệu cá nhân không phục vụ cho mục đích tuyển dụng hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Sử dụng dữ liệu cá nhân của người dự tuyển vào mục đích khác ngoài mục đích tuyển dụng khi không có thỏa thuận với người dự tuyển;

c) Xử lý dữ liệu cá nhân của người dự tuyển khi chưa có sự đồng ý hoặc xử lý vượt quá phạm vi, mục đích đã được người dự tuyển đồng ý;

d) Không thực hiện xóa, hủy dữ liệu cá nhân của người dự tuyển trong trường hợp không tuyển dụng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người dự tuyển.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lưu trữ dữ liệu cá nhân của người lao động vượt quá thời hạn quy định của pháp luật hoặc vượt quá thời hạn đã thỏa thuận;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Không thực hiện xóa, hủy dữ liệu cá nhân của người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động, trừ trường hợp theo thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác;

c) Áp dụng biện pháp công nghệ, kỹ thuật để thu thập dữ liệu cá nhân của người lao động mà không bảo đảm người lao động biết rõ về biện pháp đó, bao gồm hành vi lắp đặt phần mềm theo dõi thiết bị, camera giám sát hoặc thiết bị thu thập dữ liệu khác tại môi trường làm việc mà không thông báo cho người lao động;

d) Áp dụng biện pháp công nghệ, kỹ thuật để thu thập dữ liệu cá nhân của người lao động không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc không bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xử lý, sử dụng dữ liệu cá nhân của người lao động thu thập từ biện pháp công nghệ, kỹ thuật trái quy định của pháp luật.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân đã thu thập, xử lý trái quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, d khoản 1, điểm c, d khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại khoản thu có được từ hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 62. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với thông tin sức khỏe và trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Trong quá trình kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, tiến hành chuyển giao dữ liệu cá nhân của khách hàng cho đối tác nhưng không quy định rõ ràng, minh bạch trong hợp đồng đã giao kết với khách hàng;

b) Trong quá trình phát triển, vận hành các ứng dụng y tế, nền tảng chăm sóc sức khỏe trực tuyến, tiến hành thu thập dữ liệu cá nhân nhạy cảm nhưng không thiết lập quy định phân quyền giới hạn truy cập và các biện pháp bảo mật theo quy định.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp, chia sẻ dữ liệu cá nhân của bệnh nhân cho bên thứ ba là tổ chức cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác hoặc doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ khi chưa nhận được yêu cầu bằng văn bản của chủ thể dữ liệu cá nhân.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thiết lập và áp dụng biện pháp bảo mật, phân quyền truy cập theo đúng quy định kỹ thuật đối với hệ thống thu thập dữ liệu sức khỏe, sinh trắc học; cung cấp minh chứng thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc yêu cầu bên thứ ba hủy, xóa tới mức không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu cá nhân đã tiếp nhận trái phép và cung cấp bằng chứng đã thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.

Điều 63. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kinh doanh dịch vụ quảng cáo

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân cơ bản để phân phối quảng cáo mà không có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân;

b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo không cung cấp cơ chế, phương thức kỹ thuật minh bạch, dễ tiếp cận để chủ thể dữ liệu cá nhân thực hiện quyền từ chối nhận quảng cáo hoặc rút lại sự đồng ý chia sẻ dữ liệu cá nhân cho mục đích quảng cáo;

c) Thiết lập phương thức mặc định đồng ý cung cấp dữ liệu cá nhân của chủ thể dữ liệu cá nhân cho mạng lưới quảng cáo liên kết;

d) Cố ý chia sẻ hồ sơ người dùng cho bên thứ ba với mục đích kinh doanh dịch vụ quảng cáo khi người dùng đã thực hiện thao tác từ chối.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân nhạy cảm để phân phối quảng cáo mà không có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân;

b) Kinh doanh dịch vụ quảng cáo dựa trên dữ liệu cá nhân của trẻ em dưới 16 tuổi khi chưa được sự đồng ý của người đại diện hợp pháp;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật